

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 61 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 9 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị Q và anh H

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên

Trong ngày 09/9/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐST- HNGĐ ngày 16/8/2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 11, thôn TĐ, xã AM, huyện QP, Thái Bình

Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1984

Đều có địa chỉ: thôn ĐM, xã TN, huyện TT, Thái Bình

(Chị Quyên và anh Hiền đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện TT, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/12/2012. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi chửi. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 4/2015 nên chị đã chuyển về quê ở QP sinh sống, chị và anh H ly thân không còn bất cứ liên hệ nào với nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định chị và anh H không thể đoàn tụ được, chị đề nghị không hòa giải vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013. Chị đề nghị giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Tiến Đ, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Chị và anh H không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 11/8/2021, đơn đề ngày 11/8/2021, bị đơn là anh Đỗ Văn H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn như lời khai của chị Q. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị Q tự ý bỏ đi từ cuối năm 2014 và ly thân với anh từ đó. Nay chị Q có yêu cầu giải quyết ly hôn, anh xác định đã lâu giữa anh và chị Q không còn quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn chị Q. Anh và chị Q có một con chung như chị Q trình bày, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng. Anh và chị Q không có tài sản chung, không nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Q ly hôn anh H; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013, anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Về việc chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị Q và anh H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống mới được khoảng hai năm nhưng do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 đến nay. Cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Quyên và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Q ly hôn anh H.

[2.2]. *Về việc nuôi dưỡng con chung:* Chị Q và anh H có một con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013, hiện đang ở với anh H. Chị Q đề nghị giao cho anh

Hiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh H nhất trí. Anh Hiện cũng đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đề nghị của anh chị là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung. Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh H trực tiếp nuôi con Đỗ Tiến Đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị Q và anh H có một con chung là Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 29/10/2013. Giao cho anh H trực tiếp nuôi con Đỗ Tiến Đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Quyên đã nộp theo biên lai số 0003878 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Quyên đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Q và anh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TN;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

